

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Viết Tuấn.

2. Bà Trần Thị Minh Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Loan - Thẩm tra viên Tòa án khu vực 6
- Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M; sinh năm 1988; số CCCD: 045188008801; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T; sinh năm 1992; số CCCD: 045092009098; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025 nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 22/01/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 vợ chồng chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến cuối năm 2020 chị đã bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị cho đến nay. Vợ chồng chị không khắc phục được mâu thuẫn, nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị M yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị M và anh T có một con chung: Cháu Trần Văn S, sinh ngày 12/01/2014. Chị M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc không đến tham gia phiên tòa được nên chị Phạm Thị M đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh Trần Văn T không trình bày ý kiến gì, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: Giao cháu Trần Văn S, sinh ngày 12/01/2014 cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn chị Phạm Thị M và bị đơn anh Trần Văn T. Chị M đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh

T hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên họp và đã được triệu tập họp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị M và anh T không còn chung sống với nhau, không gắn kết được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Phạm Thị M xin ly hôn anh Trần Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn T có con chung là cháu Trần Văn S, sinh ngày 12/01/2014. Xét thấy, hiện nay cháu S đang được chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu S, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cháu Trần Văn S có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Trần Văn S cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Phạm Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn anh Trần Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Văn S, sinh ngày 12/01/2014 cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại biên lai số 0000563

ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Quảng Trị. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6-Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Triệu Phong;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương